

Bản án số: 233/2022/DS-PT  
Ngày 29-12-2022  
V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông: Huỳnh Thanh Tâm

*Các Thẩm phán:* Ông Hoàng Ngọc Linh;  
Ông Lâm Thuận Tùng;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Ngọc Loan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 202/2022/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 180/2022/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 234/2022/QĐXX-PT ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Th H, sinh năm 1987; nơi cư trú: Ấp B, xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1964 (có mặt);

Bà Trần Lệ T, sinh năm 1967 (có mặt);

Cùng nơi cư trú: Ấp B, xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

3. Người kháng cáo: ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1964; nơi cư trú: Ấp B, xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn, bà Mai Th H trình bày, do có quen biết là bà con bên chồng, nên bà H có cho ông Q, bà T vay tiền nhiều lần, vay rồi trả. Đến tháng 9/2018, bà T, ông Q vay số tiền 290.000.000 đồng, không có làm biên nhận, lãi suất thỏa thuận khi vay là 3%/tháng, mục đích vay là để làm ăn trong gia đình. Từ khi vay

đến tháng 10/2019 bà T có đóng lãi một lần (tháng 9/2019) được số tiền 32.600.000 đồng, đến Tết năm 2021 bà T có đóng lãi thêm một lần được 10.000.000 đồng và ngưng cho đến nay không trả vốn, lãi. Bà H đã nhiều lần yêu cầu ông Q, bà T trả nợ nhưng ông Q, bà T cứ hẹn mà không thực hiện và trốn tránh đến nay. Bà H yêu cầu ông Q, bà T trả số tiền vốn vay 290.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo lãi suất do pháp luật quy định từ tháng 9/2018 đến khi giải quyết xong vụ án, trong đó có khấu trừ số tiền lãi bà T đã trả là 42.600.000 đồng.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, nhưng ông Q, bà T vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến nên Tòa án cấp sơ thẩm không ghi nhận được ý kiến của ông Q, bà T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Trần Lệ T thừa nhận có nợ bà H số tiền 290.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3%, nhưng sau đó bà H tăng lãi suất lên 6%, bà T đã đóng lãi được vài tháng mỗi tháng hơn 17.000.000 đồng, do đóng không nổi nên trốn đi, sau đó bà trở về thương lượng đã trả vốn cho bà H được 50.000.000 đồng, cụ thể: đã châu hụi chết thay cho bà H được 20 lần mỗi lần 2.000.000 đồng, tổng cộng là 40.000.000 đồng; trả tiền mặt một lần 10.000.000 đồng. Bà T yêu cầu trừ vào số tiền vốn (không phải là tiền đóng lãi) nên hiện còn nợ bà H 240.000.000 đồng. Ngoài ra, bà T trình bày đây là nợ do một mình bà vay của bà H để làm vốn mua bán, ông Q chồng bà T không biết nên chỉ một mình bà chịu trách nhiệm trả nợ cho bà H, xin trả dần tiền vốn, không tính lãi.

Tại Bản án số 180/2022/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Th H.

Buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Lệ T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Mai Th H số tiền 355.470.500 đồng, trong đó tiền vốn là 290.000.000 đồng, tiền lãi là 65.470.500 đồng, tạm tính đến ngày 15/8/2022.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Lệ T cùng phải chịu 17.773.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Mai Th H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Huệ số tiền 7.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003625 ngày 05/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 26/9/2022, bị đơn ông Nguyễn Văn Q kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp yêu cầu khởi kiện của bà Mai Th H về việc buộc ông cùng bà T có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Mai Th H số tiền 355.470.500 đồng, vì ông không có vay tiền và nợ tiền của bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Mai Th H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;
- Bị đơn ông Nguyễn Văn Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; bà Trần Lệ T giữ nguyên yêu cầu về việc xác định còn nợ bà H vốn vay 240.000.000 đồng.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, Thẩm phán đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng các nguyên tắc, phạm vi xét xử, thành phần và sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thủ tục phiên tòa được đảm bảo đúng pháp luật của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Văn Q kháng cáo trong thời hạn luật định, có nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn bà Mai Th H và bị đơn bà Trần Lệ T có căn cứ xác định bà T có vay của bà H nhiều lần, tính đến tháng 9/2018, tổng số tiền bà T còn nợ bà H là 290.000.000 đồng. Việc vay tiền không lập thành văn bản, lãi suất thỏa thuận ban đầu là 3%/tháng.

Theo lời khai của bà H thì bà T không trả vốn vay mà chỉ trả lãi vào tháng 9/2019 được 32.600.000 đồng và trả lãi 10.000.000 đồng vào dịp Tết năm 2021. Bà T thì cho rằng có trả lãi nhiều lần đến tháng 4/2019 lãi suất ban đầu là 3%/tháng, sau tăng lên 6%/tháng. Sau đó bà trả vốn cho bà H được 50.000.000 đồng (trả làm 02 lần) nên chỉ còn nợ vốn vay 240.000.000 đồng.

Xét lời khai của các bên về việc trả lãi và trả vốn không thống nhất nhau. Bà T cho rằng trả vốn vay cho bà H 50.000.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh có việc thỏa thuận trả vốn số tiền trên nên không có căn cứ xác định số tiền 50.000.000 đồng bà T đã trả là tiền vốn. Bà H lúc đầu thừa nhận có nhận tiền lãi của bà T trả tổng cộng 02 lần là 42.600.000 đồng, sau đó chấp nhận theo lời khai của bà T xác định số tiền đã nhận của bà T là 50.000.000 đồng. Do bị đơn không chứng minh được số tiền đã trả là tiền vốn nên không có căn cứ chấp nhận lời khai của bị đơn. Xác định số tiền 50.000.000 đồng bà T đã trả cho bà H vào tháng 9/2019 và năm 2021 là tiền lãi; vốn vay bà T chưa trả cho bà H là 290.000.000 đồng.

Trong hợp đồng vay tiền, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, bà H khởi kiện yêu cầu trả nợ là có căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Theo thỏa thuận, lãi suất là 3%/tháng, bà T cho rằng từ năm sau năm 2018 lãi suất là 6%/tháng, bà H không thừa nhận. Xét các bên có tranh chấp về lãi suất nên áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự để giải quyết tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi trên vốn vay 290.000.000 đồng, từ ngày 21/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 15/8/2022, số tiền lãi (115.470.500 đồng) theo mức lãi suất 10%/năm và khấu trừ tiền lãi đã trả (50.000.000 đồng), tiền lãi theo quy định của pháp luật tính đến ngày xét xử là 65.470.500 đồng là phù hợp. Tổng cộng tiền vốn và lãi là 355.470.500 đồng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà T không kháng cáo bản án sơ thẩm về số tiền vốn, lãi phải trả và trách nhiệm trả nợ cho bà H. Do đó, tiền vốn và lãi bị đơn phải trả theo bản án sơ thẩm đã xác định là có căn cứ.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q về trách nhiệm trả nợ, Ông Q xác định không vay tiền của bà H nên không chấp nhận trả nợ cho bà H theo bản án sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Q không gửi ý kiến cũng như không đến Tòa án cung cấp lời khai về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà T khai tiền vay sử dụng vào việc mua bán trái cây phục vụ cuộc sống gia đình, quá trình mua bán ông Q có lái xe tải chở bà T. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Q và bà T đều xác định ông Q có phụ giúp bà T trong việc mua bán, thu nhập từ việc mua bán phục vụ đời sống của gia đình, ông Q cũng thừa nhận trách nhiệm cùng bà T trả nợ nhưng do bà H không đồng ý khấu trừ tiền bà T đã trả vào tiền vốn nên ông Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về trách nhiệm trả nợ. Xét thấy, ông Q và bà T là vợ chồng, khoản nợ vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, mặc dù ông Q không trực tiếp vay tiền của bà H nhưng việc bà T vay tiền để làm vốn mua bán trái cây phục vụ đời sống gia đình. Ông Q cũng tham gia vào việc mua bán của bà T nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Q có trách nhiệm liên đới cùng bà T trả nợ cho bà H là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Ông Q kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ

chứng minh việc không liên quan trách nhiệm đối với khoản nợ của bà H nên không có căn cứ chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 180/2022/DSST ngày 15/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Th H.

Buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Lệ T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Mai Th H số tiền 355.470.500 đồng (ba trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi nghìn năm trăm đồng), trong đó tiền vốn là 290.000.000 đồng (hai trăm chín mươi triệu đồng), tiền lãi là 65.470.500 đồng (sáu mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Lệ T có trách nhiệm liên đới chịu 17.773.500 đồng (mười bảy triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Mai Th H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà H số tiền 7.250.000 đồng (bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí

đã nộp theo biên lai thu số 0003625 ngày 05/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004828 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú. Ông Q đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang ;
- TAND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thanh Tâm**